

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2017/DS-PT

Ngày: 02-8-2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Huyền Trân

Ông Ngô Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2017/QĐPT - DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M, gồm:

- Trần Văn N, sinh năm 1965;
- Trần Thị D, sinh năm 1967;
- Trần Thanh H, sinh năm 1969;
- Trần Thanh T, sinh năm 1971;
- Trần Kim A, sinh năm 1974;
- Trần Thanh P, sinh năm 1978;
- Trần Quang NH, sinh năm 1983;
- Trần Thị H1, sinh năm 1985;
- Trần Văn H2, sinh năm 1986;
- Võ Thị S, sinh năm 1936.

Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, An Giang.

Ông Trần Thanh S1, sinh năm: 1975; Trú tại: ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2016 của UBND xã PH” (có mặt).

2/ Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc A1, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Lôi Văn Đ - Luật sư của Văn phòng luật sư Hùng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang

Địa chỉ: Đường B, ấp AT, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang

Bà Nguyễn Thị Tuyết M1 – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện AP là người đại diện theo ủy quyền cho UBND huyện AP “được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số: 120/UQ-UBND ngày 04/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện AP” (vắng mặt).

- Trần Diệu H3, sinh năm: 1953;

- Trần Minh Đ1, sinh năm: 1960;

- Trần Thị Kim P1, sinh năm: 1964;

- Trần Ngọc D1, sinh năm: 1965;

- Trần Ngọc K, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp PT, xã PH, huyện AP, An Giang.

Bà Trần Thị Ngọc A1, sinh năm, sinh năm 1967; Trú tại: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà: H3, Đ1, P1, D1, K “được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2016 của UBND xã PH” (có mặt).

4/ Người kháng cáo: Bà Trần Thị Ngọc A1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 11/10/2014 với các tài liệu kèm theo và quá trình tố tụng tại tòa, ông Trần Thanh S1 – đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Nguyên ông Lê Văn H4 có phần đất tọa lạc tại ấp PT, xã PH với kích thước ngang 110m x dài từ bờ sông qua lộ vào trong giáp đất ruộng. Ông H4 có hai người con là Trần Văn C và Trần Văn M2 (tên khác Lê Văn M2). Ông H4 chia ông C ngang 60m chia cho ông M2 ngang 50m, với cùng chiều dài như nhau.

Khi ông C chết, phần đất để lại cho con là Trần Văn T1 (cha ruột bà Trần Thị Ngọc A1); còn ông M2 chết thì đất giao cho con là Trần Văn M, hai ông sử dụng xuyên suốt. Trong quá trình sử dụng, ông M có trồng cây me chua và trên đất ông có cho người đào lấy đất làm lộ, hình thành cái hầm và cho người em tên Trần Thị Y nuôi cá.

Năm 1997, có chủ trương cấp chứng nhận QSD đất đại trà, ông M kê khai thì phát sinh tranh chấp với ông T1, sự việc UBND xã Phước Hưng hòa giải không thành, hiện ông T1 cùng vợ đã chết, còn đất Trần Thị Ngọc A1 sử dụng.

Theo kết quả đo đạc duyệt ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đai – Chi nhánh huyện An Phú thì phần đất tranh chấp được xác định là 306m², tại các điểm 2, 3, 18, 19. Cụ thể: Ngang trước 3,9m, ngang sau 3,75m; dài trên 82,19 x dài dưới 81,02m.

Ngày 11/6/2016 ông M chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M gồm các ông bà: N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S ủy quyền cho ông yêu cầu Tòa án xác định phần đất nói trên là của ông M, để đồng thừa kế của ông M cùng sử dụng.

Đối với vật kiến trúc là bồn chứa của nhà vệ sinh (kết cấu bê tông, cao từ mặt đất lên khoảng 0,5m) tại các điểm: c, d, 11, 29, 39, 31 diện tích 0,4m² phạm qua phần đất tranh chấp thì ông đồng ý cho bà A1 tiếp tục sử dụng, nhưng không được xây dựng thêm.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc A1 trình bày: Thừa nhận là ông Trần Văn H4 có hai người con là ông C và ông M2 và ông C là cha ông T1 và là ông nội của bà; ông M2 là cha của ông M.

Tuy nhiên, nguồn gốc đất tranh chấp bà chỉ nghe cha bà nói lại là ông nội bà sang nhượng lại của ông Trần Văn X (anh ruột ông H4) trong tổng kích thước ngang 65m x dài sổ song trên dưới 100m. Việc sang nhượng đất không làm giấy, nhưng có ông Trần Văn O (đã chết) biết và lúc còn sống ông O có xác nhận.

Phần đất này giáp ranh đất của ông M và khi ông C chết đã giao cho cha bà sử dụng, đến năm 1997 khi có chủ trương cấp chứng nhận QSD đất thì ông M kê khai phạm qua phần đất của cha bà có kích thước ngang tương đương 05m x dài sổ song và hai bên phát sinh tranh chấp.

Bà cũng thống nhất về phần đất tranh chấp hiện nay là tại các điểm 2, 3, 18, 19 có tổng diện tích 306,0m². Cụ thể: Ngang trước 3,9m, ngang sau 3,75m; dài trên 82,19 x dài dưới 81,02m, nhưng đất là thuộc quyền sử dụng của cha mẹ bà và bà được đồng ý của những người đồng hàng thừa kế giao cho bà sử dụng, bà không đồng ý theo yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân huyện AP – do bà Nguyễn Thị Tuyết M1, đại diện theo ủy quyền trình bày: Phần đất các bên tranh chấp UBND huyện không có ý kiến, chỉ xác định đất này không nằm trong vị trí quy hoạch di dời, giải tỏa và được cấp quyền sử dụng đất, nếu người sử dụng đất đủ điều kiện cấp QSD đất theo Luật đất đai năm 2013.

2/ Bà Trần Thị Ngọc A1 – đại diện theo ủy quyền cho các ông bà: Trần Diệu H3, Trần Minh Đ1, Trần Thị Kim P1, Trần Ngọc D1, Trần Ngọc K trình bày: Thống nhất với trình bày bên trên. Xác định phần đất tranh chấp là của cha mẹ để lại cho Trần Thị Ngọc A1, bà A1 được quyền quyết định và chịu trách nhiệm mọi việc, các ông bà không có ý kiến cũng không yêu cầu

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M gồm: Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thanh H, Trần Thanh T, Trần Kim A, Trần Thanh P, Trần Quang NH, Trần Thị H1, Trần Văn H2 và bà Võ Thị S.

Xác định phần đất diện tích 306m², tại các điểm 2, 3, 18, 19, theo kết quả đo đạc duyệt ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đai – Chi nhánh huyện AP là thuộc quyền sử dụng của đồng thừa kế ông Trần Văn M.

Các ông bà: N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S tự liên hệ Cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất diện tích 306m², tại các điểm 2, 3, 18, 19, theo kết quả đo đạc duyệt ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đai – Chi nhánh huyện AP theo quy định của Luật đất đai.

Các ông bà: N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S được quyền tiếp tục sử dụng vật kiến trúc cây lâu năm trên đất gồm: 01 cây me chua, 01 cây dúi, 01 cây me tây, 02 cây me nước, 01 chuồng heo kết cấu, nền xây gạch (không lát xi măng) kích thước ngang khoảng 4,0m x dài khoảng 5,0m.

Công nhận tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa của ông Trần Văn M cho bà Trần Thị Ngọc A1 tiếp tục sử dụng phần đất có bồn chứa nhà vệ sinh tại các điểm: c, d, 11, 29, 39, 31 diện tích 0,4m², theo bản đồ hiện trạng đất tranh chấp.

Bà A1 tự chịu 539.500 đồng tiền hợp đồng đo đạc theo hóa đơn số 0004181 ngày 09/01/2015 của Văn phòng đăng ký đất và 500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo biên nhận tạm ứng ngày 01/12/2012 của Tòa án.

Công nhận tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa của ông M, gồm: Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thanh H, Trần Thanh T, Trần Kim A, Trần Thanh P, Trần Quang NH, Trần Thị H1, Trần Văn H2, Võ Thị S chịu 290.500 đồng tiền hợp đồng đo đạc theo hóa đơn số 0004193 ngày 01/11/2015 của Văn phòng đăng ký đất do ông Trần Thanh S1 nộp thay cho ông M và 500.000 đồng theo biên nhận tạm ứng ngày 01/12/2012 của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí đo đạc, định giá và lệ phí trích lục hồ sơ; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/4/2017 bà Trần Thị Ngọc A1 có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn, xác định phần đất 306m² là thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Ngọc A1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc A1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư Lô Văn Đ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến như sau:

Theo các chứng cứ của nguyên đơn đưa ra để chứng minh là không đáng tin cậy; Còn về chứng cứ của bà A1 cung cấp sau khi xét xử sơ thẩm đã xác định phần đất tranh chấp là của gia đình bà A1 sử dụng; Để đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà A1, sửa bản án sơ thẩm để công nhận 306m² đất tranh chấp theo kết quả đo đạc ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh huyện An Phú là của bà A1; Và đề nghị tính lại tiền án phí sơ thẩm cho bà A1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa đã xác định nguồn gốc 306m² đất tranh chấp là của ông Lê Văn H4 để lại cho ông Trần Văn M2 (Lê Văn M2) và khi ông M2 chết để lại cho ông Trần Văn M quản lý sử dụng. Về phía bà Trần Thị Ngọc A1 cho rằng nguồn gốc đất là của ông Trần Văn C sang nhượng lại của ông Trần Văn Nhơn và để lại cho gia đình bà sử dụng; Nhưng ngoài lời trình bày thì bà A1 không có chứng cứ gì chứng minh; Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định 306 m² đất tranh chấp là của các đồng thừa kế của ông M là có căn cứ. Bà A1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp “có giá ngạch” để tính án phí cho bà A1 là chưa chính xác; Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà A1 để sửa lại phần án phí, buộc bà A1 và các đồng thừa kế của ông M mỗi bên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Ngọc A1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện AP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và việc vắng mặt của họ cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp: Theo trình bày của nguyên đơn là của ông Lê Văn H4, có diện tích; Ngang 110m, dài: từ bờ sông qua lộ vào trong giáp đất ruộng; tọa lạc tại ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông H4 có 02 người con là Trần Văn C và Trần Văn M2, ông H4 chia cho ông C diện tích đất ngang 60m; chia cho ông M2 diện tích đất ngang 50m, chiều dài như nhau.

Khi ông M2 “chết” thì phần đất trên để lại cho con là Trần Văn M sử dụng và trên đất có trồng cây lâu năm, có thu hoạch hoa lợi và cho bà Hồ Thị B cất nhà ở nhờ trên đất.

Trong quá trình sử dụng thì bà Trần Thị Ngọc A1 (là con của ông T1 và là cháu nội của ông C) lấn chiếm 306m²; Nên ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu xác định phần đất 306m² là của ông. Ngày 11/6/2016 ông Trần Văn M “chết”, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[3] Về phía bị đơn bà Trần Thị Ngọc A1 trình bày: Thừa nhận ông Trần Văn H4 có 02 người con là ông C và ông M2; ông C là cha ông T1 và là ông nội của bà; Còn ông M2 là cha của ông M.

Tuy nhiên, về nguồn gốc đất tranh chấp bà nghe cha bà (ông T1) nói lại là của ông C (ông nội bà) sang nhượng lại của ông Trần Văn X (anh ruột ông H4); việc sang nhượng không làm giấy tờ; Nhưng có ông Trần Văn O “đã chết” biết và xác nhận; Nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn.

[4] Xét thấy; Ngoài lời trình bày thì bà Trần Thị Ngọc A1 không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của những người làm chứng như: ông Lê Ngọc C1, ông Lê Văn Tr, bà Hồ Thị B; là những người dân sống lâu năm, cùng địa phương (nơi có đất tranh chấp) đã khẳng định diện tích đất tranh chấp là của ông Trần Văn M; để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định diện tích 306m² đất tọa lạc tại các điểm: 2, 3, 18, 19 theo kết quả đo đạc “duyet” ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện AP; là thuộc quyền sử dụng của đồng thừa kế ông Trần Văn M là có cơ sở. Bà Trần Thị Ngọc A1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới để chứng minh. Mặt khác, các bên tranh chấp tài sản là 306m² đất; Từ đó cấp sơ thẩm buộc bà A1 phải chịu 6.120.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối Cao. Nên quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị tính lại tiền án phí không giá ngạch là không có cơ sở để xem xét. Do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tuy nhiên; phần diện tích đất tranh chấp (306m²) hiện nay do bà Trần Thị Ngọc A1 sử dụng, nhưng cấp sơ thẩm không tuyên buộc bà A1 phải giao trả cho các thừa kế của M, nên khi án có hiệu lực pháp luật sẽ khó thi hành. Do đó cấp phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên để buộc bà A1 có nghĩa vụ giao trả 305,6m² (sau khi đã trừ 0,4m², mà nguyên đơn tự nguyện cho bà A1 tiếp tục sử dụng) cho các thừa kế của ông M; để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Ngọc A1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016

của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; Luật phí và lệ phí năm 2015.

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc A1.

+ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 92/2017/DS-ST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang.

- Tuyên xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M gồm: Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thanh H, Trần Thanh T, Trần Kim A, Trần Thanh P, Trần Quang NH, Trần Thị H1, Trần Văn H2 và bà Võ Thị S.

+ Xác định phần đất diện tích 305,6m², tại các điểm 2, 3, 18, 19, theo kết quả đo đạc duyệt ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện AP là thuộc quyền sử dụng của đồng thừa kế ông Trần Văn M.

Buộc bà Trần Thị Ngọc A1 có trách nhiệm giao trả 305,6m² đất, tại các điểm 2, 3, 18, 19 (sau khi đã trừ 0,4 m², tại các điểm c, d, 11, 29, 39, 31) theo kết quả đo đạc duyệt ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện AP, cho các đồng thừa kế của ông Trần Văn M gồm: Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thanh H, Trần Thanh T, Trần Kim A, Trần Thanh P, Trần Quang NH, Trần Thị H1, Trần Văn H2 và bà Võ Thị S.

+ Các ông bà: N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S tự liên hệ Cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng phần đất diện tích 305,6m², tại các điểm 2, 3, 18, 19 (Sau khi đã trừ 0.4 m², tại các điểm: c, d, 11, 29, 39, 31); theo kết quả đo đạc duyệt ngày 06/01/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện AP theo quy định của Luật đất đai.

+ Các ông bà: N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S được quyền tiếp tục sử dụng vật kiến trúc cây lâu năm trên đất gồm: 01 cây me chua, 01 cây dúi, 01 cây me tây, 02 cây me nước, 01 chuồng heo kết cấu, nền xây gạch (không lát xi măng) kích thước ngang khoảng 4,0m x dài khoảng 5,0m.

+ Công nhận tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn M cho bà Trần Thị Ngọc A1 tiếp tục sử dụng phần đất có bồn chứa nhà vệ sinh tại các điểm: c, d, 11, 29, 39, 31 diện tích 0,4m², theo bản đồ hiện trạng đất tranh chấp, do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện AP duyệt ngày 06/01/2016.

- Về chi phí tố tụng:

+ Bà A1 tự chịu 539.500 (Năm trăm ba mươi chín ngàn năm trăm) đồng tiền hợp đồng đo đạc theo hóa đơn số 0004181 ngày 09/01/2015 của Văn phòng đăng ký đất và 500.000 (năm trăm ngàn) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo biên nhận tạm ứng ngày 01/12/2012 của Tòa án.

+ Công nhận tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M, gồm: Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thanh H, Trần Thanh T, Trần Kim A, Trần Thanh P, Trần Quang NH, Trần Thị H1, Trần Văn H2, Võ Thị S, chịu 290.500 (hai trăm chín mươi ngàn năm trăm) đồng tiền hợp đồng đo đạc theo hóa đơn số 0004193 ngày 01/11/2015 của Văn phòng đăng ký đất do ông Trần

Thanh S1 nộp thay cho ông M và 500.000 (năm trăm ngàn) đồng theo biên nhận tạm ứng ngày 01/12/2012 của Tòa án.

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Ngọc A1 phải chịu 6.120.000 (Sáu triệu một trăm hai mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông M, gồm: N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S. Mỗi bên còn phải chịu 128.750 (Một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tổng cộng bà A1 phải chịu 6.248.750 (Sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng án phí.

+ Các ông bà: Trần Văn N, Trần Thị D, Trần Thanh H, Trần Thanh T, Trần Kim A, Trần Thanh P, Trần Quang NH, Trần Thị H1, Trần Văn H2, Võ Thị S phải chịu 128.750 (Một trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0008281 ngày 19/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP; Nên các ông bà N, D, H, T, A, P, NH, H1, H2, S được nhận lại 871.250 (Tám trăm bảy mươi một ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc A1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số: 0011027, ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP (đã nộp xong).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện AP;
- Chi cục THA-DS huyện AP;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Dương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thanh Hòa